

CHÍNH SÁCH THUẾ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ Ở VIỆT NAM

PGS.TS. Vương Thị Thu Hiền* - Ths. Ngân Thị Phương Vân* - Ngô Thị Quỳnh Nga**

Công nghiệp hỗ trợ đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy phát triển bền vững và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tại Việt Nam, chính sách thuế đã được xem như một công cụ quan trọng để khuyến khích, định hướng và hỗ trợ sự phát triển của lĩnh vực này. Bài báo tập trung phân tích thực trạng chính sách thuế đối với công nghiệp hỗ trợ, bao gồm ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các sắc thuế liên quan; đồng thời đánh giá mức độ tác động đến thu hút đầu tư, đổi mới công nghệ và mở rộng sản xuất. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng chính sách thuế đã tạo ra những tác động tích cực nhất định song vẫn còn tồn tại hạn chế về tính ổn định, tính đồng bộ và hiệu quả thực thi. Trên cơ sở đó, bài báo đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách thuế, bao gồm mở rộng phạm vi ưu đãi, nâng cao tính minh bạch, cải thiện cơ chế giám sát và đảm bảo sự phù hợp với cam kết hội nhập quốc tế. Những khuyến nghị này kỳ vọng góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, tạo nền tảng vững chắc cho công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở Việt Nam.

• Từ khóa: chính sách thuế; công nghiệp hỗ trợ; chính sách thuế phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Supporting industries play a key role in enhancing the competitiveness of the economy, promoting sustainable development and deeper participation in the global value chain. In Vietnam, tax policy has been considered an important tool to encourage, orient and support the development of this sector. The article focuses on analyzing the current status of tax policies for supporting industries, including incentives on corporate income tax, value added tax and related taxes; at the same time, assessing the level of impact on investment attraction, technological innovation and production expansion. The research results indicate that tax policies have created certain positive impacts but there are still limitations in terms of stability, synchronization and implementation efficiency. On that basis, the article proposes a number of solutions to improve tax policies, including expanding the scope of incentives, enhancing transparency, improving monitoring mechanisms and ensuring compliance with international integration commitments. These recommendations are expected to contribute to promoting the development of supporting industries, creating a solid foundation for industrialization and modernization in Vietnam.

• Key words: tax policy; supporting industries; tax policy for supporting industry development.

Ngày nhận bài: 05/10/2025

Ngày gửi phản biện: 11/10/2025

Ngày duyệt đăng: 25/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i299.07>

gia. Ở tầm vĩ mô, phát triển CNHT giúp giảm kim ngạch nhập khẩu đầu vào sản xuất, hạn chế các căng thẳng về thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế cũng như ngoại tệ đối với những nước nhập khẩu hàng hóa. CNHT còn có vai trò quan trọng trong việc thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực công nghiệp, kích thích phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước; thúc đẩy việc chuyển giao công nghệ, áp dụng các kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất. Nhận thức rõ tầm quan trọng đó, Nhà nước đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ, trong đó chính sách thuế được xem là một công cụ then chốt, trực tiếp tác động đến chi phí sản xuất, năng lực tích lũy và khả năng mở rộng đầu tư của doanh nghiệp.

Tuy nhiên, thực tiễn triển khai chính sách thuế trong lĩnh vực này vẫn còn những hạn chế nhất định, thể hiện ở mức độ ưu đãi chưa thật sự tương xứng với vai trò của công nghiệp hỗ trợ, sự thiếu đồng bộ giữa các sắc thuế và khó khăn trong việc tiếp cận chính sách từ phía doanh nghiệp. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải phân tích, đánh giá toàn diện thực trạng chính sách thuế phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam, từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp, góp phần hoàn thiện khung chính sách và tạo động lực thúc đẩy khu vực công nghiệp này phát triển mạnh

1. Giới thiệu

Công nghiệp hỗ trợ (CNHT) có vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế, trực tiếp tạo ra giá trị gia tăng, giúp tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm công nghiệp chính và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa quốc

* Học viện Tài chính

** Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh Hồng Bàng - Hải Phòng

mẽ, đóng góp tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2. Đánh giá thực trạng chính sách thuế phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam thời gian qua

2.1. Kết quả đạt được

Thứ nhất, đã ban hành các quy định ưu đãi thuế áp dụng cho Người nộp thuế trong đó có các doanh nghiệp CNHT với các hình thức ưu đãi khá đa dạng.

Theo đó:

(i) Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ chỉ phải khai thuế GTGT 4 lần/năm, góp phần cắt giảm thủ tục hành chính và chi phí hành chính thuế.

(ii) Một số trường hợp được miễn thuế nhập khẩu có liên quan đến CNHT và ưu đãi riêng cho CNHT. trong đó, thuộc về CNHT có một lĩnh vực là sản xuất thép cao cấp, hợp kim, kim loại màu, kim loại đặc biệt, phôi thép, sắt xộp, luyện gang; Sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; Sản xuất chất bán dẫn và các linh kiện điện tử kỹ thuật cao; (iii) Đầu tư sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác. Quy định thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi 0% đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được để sản xuất, gia công (lắp ráp) các sản phẩm hỗ trợ ưu tiên phát triển cho ngành sản xuất, lắp ráp ô tô (gọi tắt là sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ô tô) đến ngày 31 tháng 12 năm 2027...

(iii) Một số khoản thu nhập được miễn thuế TNDN có liên quan đến nhiều lĩnh vực sản xuất công nghiệp như: thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam. Áp dụng miễn, giảm thuế TNDN với cơ sở kinh doanh đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ và doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ cao, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Chuyển từ ưu đãi cho doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư sang ưu đãi cho phần thu nhập của doanh nghiệp có được từ dự án đầu tư thuộc diện được ưu đãi thuế; Quy định miễn, giảm thuế có thời hạn cho một số lĩnh vực thuộc lĩnh vực CNHT, đó là sản xuất sản phẩm phần mềm, sản xuất vật liệu composit, sản xuất các loại vật liệu xây dựng nhẹ và vật liệu quý hiếm...

Thứ hai, hệ thống ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu đã góp phần khuyến khích nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư vào lĩnh vực CNHT, đặc biệt là các ngành sản xuất linh kiện điện tử, phụ tùng ô tô và dệt may.

Thứ ba, chính sách thuế đã tạo điều kiện giảm chi phí đầu vào, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp CNHT trong chuỗi giá trị sản xuất toàn cầu. Nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa đã tiếp cận được các ưu đãi thuế, qua đó mở rộng quy mô sản xuất và gia tăng tỷ lệ nội địa hóa.

Thứ tư, chính sách thuế kết hợp với các chính sách tín dụng và hỗ trợ khác đã góp phần hình thành hệ sinh thái CNHT ngày càng rõ nét, giúp doanh nghiệp CNHT từng bước đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm và khả năng tham gia vào mạng lưới cung ứng cho các tập đoàn đa quốc gia.

Thứ năm, việc triển khai ưu đãi thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị và nguyên vật liệu chưa sản xuất được trong nước đã thúc đẩy hoạt động đổi mới công nghệ và nâng cao trình độ sản xuất của ngành.

Ngoài ra, chính sách thuế còn tạo tác động lan tỏa tích cực tới sự phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, góp phần tăng tỷ trọng CNHT trong GDP công nghiệp và hỗ trợ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa quốc gia. Tính đến năm 2025, nhiều doanh nghiệp CNHT Việt Nam đã tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử và ô tô, nhờ các ưu đãi thuế giúp giảm áp lực chi phí và gia tăng khả năng cạnh tranh.

2.2. Hạn chế

Nhận thức về tầm quan trọng của CNHT còn chậm so với đòi hỏi thực tiễn nên chính sách ưu đãi thuế chưa kịp thời.

Hiện nay các ưu đãi về thuế cho CNHT còn mờ nhạt, tiêu thức không rõ ràng dẫn đến các doanh nghiệp CNHT rất khó tiếp cận với những ưu đãi này vì chủ yếu doanh nghiệp CNHT tại Việt Nam là DNNVV. Chính sách ưu đãi thuế hiện hành áp dụng thống nhất cho các thành phần kinh tế, phù hợp với thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, tiêu chí áp dụng các ưu đãi thuế hiện hành dựa trên lĩnh vực và địa bàn chính phủ thu hút đầu tư thì để hoạt động hiệu quả ở các lĩnh vực và địa bàn này đòi hỏi doanh nghiệp phải có vốn đầu tư lớn. Trong khi đó, hiện nay ở Việt Nam chủ yếu lại là DNNVV. Với đặc thù của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay, phần lớn các doanh nghiệp FDI có sức mạnh về vốn mới đủ khả năng đầu tư vào các lĩnh vực và địa bàn thu hút đầu tư của Chính phủ. Điều đó dẫn đến đối tượng được hưởng lợi từ ưu đãi thuế tại Việt Nam thời gian qua chủ yếu là các doanh nghiệp FDI. Trong pháp luật về đất đai và môi trường không có các quy định đặc thù và rõ ràng về các ưu đãi này cho các dự án CNHT, do đó, chưa có doanh nghiệp CNHT nào tiếp cận được với các ưu đãi nói trên.

Chính sách ưu đãi thuế nói chung và đối với CNHT nói riêng chưa thực sự tính toán đầy đủ các lợi thế so sánh của Việt Nam để thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia hợp lý nhất vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Chính sách ưu đãi thuế TNDN không gắn với tỷ lệ nội địa hóa của sản phẩm, nên chưa thúc đẩy các doanh nghiệp FDI chuyển giao công nghệ và đầu tư vào ngành CNHT. Mặt khác, theo các ý kiến các doanh nghiệp CNHT trong nước, khi doanh nghiệp hoạt động chưa có lãi ưu đãi miễn, giảm thuế không có ý nghĩa cho việc hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Bên cạnh đó, ưu đãi này có thể là kẽ hở cho một số doanh nghiệp lợi dụng, khi hết thời hạn ưu đãi họ có thể chuyển sang địa điểm khác, hoặc mở ra dự án mới để lại được hưởng giai đoạn ưu đãi mới.

Đối với chính sách về thuế giá trị gia tăng (GTGT): doanh nghiệp CNHT có nhu cầu rất lớn về đầu tư mua sắm máy móc, thiết bị mới và đổi mới công nghệ. Tuy nhiên, những thay đổi về phương thức khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với máy móc thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất khiến doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp CNHT gặp khó khăn do thời gian khấu trừ bị kéo dài hơn so với quy định trước đây. Hơn nữa, thời gian khấu trừ sẽ càng bị kéo dài hơn đối với những doanh nghiệp mới sản xuất, có doanh thu và quy mô sản xuất còn nhỏ. Điều này vô hình trung khiến nhà nước giữ một phần vốn lưu động của doanh nghiệp, khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh, từ đó giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp.

Đối với chính sách về thuế nhập khẩu: Trong một số ngành công nghiệp hiện nay thuế nhập khẩu vật tư, linh kiện cao hơn thuế nhập khẩu sản phẩm nguyên chiếc, do đó đã không khuyến khích được các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cuối cùng tại Việt Nam, vì phải chịu chi phí sản xuất cao hơn so với đối thủ cạnh tranh ở nước ngoài.

Chính sách ưu đãi thuế nói chung và đối với đối với CNHT nói riêng chưa chú ý đầy đủ đặc thù về môi trường kinh doanh và quy mô kinh doanh của các doanh nghiệp Việt Nam.

Theo quy định hiện hành, để được miễn thuế nhập khẩu, doanh nghiệp phải trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu. Quy định này khiến cho các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm CNHT cung cấp cho các doanh nghiệp khác để sản xuất ra sản phẩm xuất khẩu gặp rất nhiều khó khăn. Trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay, việc xuất khẩu một sản phẩm cần có sự tham gia của nhiều nhà sản xuất. Do đó, hầu hết tất cả các doanh nghiệp CNHT không thể đáp ứng điều kiện trực tiếp xuất khẩu. Việc không được miễn

thuế đối với nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu làm tăng giá thành hàng hóa xuất khẩu, giảm tính cạnh tranh của các doanh nghiệp CNHT trong nước.

Việc thực thi chính sách ưu đãi thuế còn khá phức tạp, liên quan đến nhiều thủ tục hành chính.

Việc thực hiện chính sách ưu đãi thuế trong một số trường hợp đòi hỏi sự tham gia của nhiều bộ, ngành khác nhau. Ví dụ, để thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế nhập khẩu quy định trong Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 thì ngoài Bộ Tài chính còn có 11 bộ và cơ quan thuộc Chính phủ khác cũng phải ban hành các văn bản hướng dẫn. Theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành, thu nhập của doanh nghiệp từ đầu tư mới sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển sẽ được hưởng ưu đãi thuế TNDN khá cao nếu sản phẩm của dự án đó là sản phẩm hỗ trợ các ngành công nghiệp khác mà trong nước chưa sản xuất được tính đến ngày 01/01/2015 hoặc trong nước sản xuất được nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh châu Âu hoặc tương đương. Như vậy, để thực hiện được quy định này đòi hỏi phải có sự tham gia của các bộ liên quan.

- Phạm vi ưu đãi thuế còn hẹp, chưa thực sự bao quát được toàn bộ chuỗi sản xuất CNHT. Nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa, vốn chiếm tỷ trọng lớn trong lĩnh vực này, chưa tiếp cận được đầy đủ các chính sách ưu đãi do vướng mắc về thủ tục hành chính hoặc thiếu năng lực đáp ứng điều kiện để được hưởng ưu đãi.

- Chính sách thuế chưa tạo động lực đủ mạnh để thu hút các tập đoàn đa quốc gia chuyển giao công nghệ và phát triển mạng lưới sản xuất CNHT tại Việt Nam. Các ưu đãi thuế chủ yếu tập trung vào khâu nhập khẩu máy móc, thiết bị, trong khi chưa chú trọng đến hỗ trợ phát triển năng lực công nghệ nội địa và nghiên cứu - phát triển (R&D).

- Việc phối hợp giữa chính sách thuế với các chính sách công nghiệp khác còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến hiệu ứng lan tỏa chưa cao. Chính sách thuế chưa thật sự gắn kết với chiến lược phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, do đó chưa phát huy tối đa vai trò thúc đẩy CNHT trở thành nền tảng cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3. Giải pháp hoàn thiện chính sách thuế phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam trong thời gian tới

Thứ nhất, ổn định chính sách ưu đãi thuế hiện hành

Tiếp tục duy trì ổn định chính sách ưu đãi chung cho các doanh nghiệp trong đó có doanh nghiệp thuộc lĩnh vực CNHT, theo hướng thúc đẩy doanh nghiệp

đầu tư cho nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ, đảm bảo mặt bằng công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng được yêu cầu về nguyên liệu và linh kiện của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp sản xuất, lắp ráp các sản phẩm hoàn chỉnh là tư liệu sản xuất hoặc sản phẩm tiêu dùng.

Thứ hai, hoàn thiện các chính sách ưu đãi về thuế nói chung.

- Đối với thuế giá trị gia tăng: Giảm thuế giá trị gia tăng đối với một số sản phẩm quan trọng trong ngành CNHT nhằm kích cầu thị trường trong nước. Các sản phẩm này sẽ được áp dụng mức thuế suất thấp hơn so với mức thuế suất thông thường.

- Đối với thuế nhập khẩu: Giảm thuế nhập khẩu đối với một số mặt hàng trong nước chưa sản xuất được như: Vật liệu phục vụ sản xuất chế tạo, máy móc thiết bị ngành cơ khí chế tạo và công nghiệp công nghệ cao... nhằm khuyến khích đầu tư sản xuất trong nước.

- Một số ưu đãi thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cũng như miễn giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước đối với các doanh nghiệp đầu tư vào ngành CNHT cần sớm được ban hành để khuyến khích doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam đầu tư làm ăn.

- Đối với thuế TNDN: Có thể áp dụng chính sách thuế TNDN ưu đãi vượt khung (thuế suất thấp nhất hoặc thấp hơn mức thấp nhất của luật thuế) đối với dự án CNHT trọng điểm từng giai đoạn; Chính sách thuế thu nhập cá nhân ưu đãi vượt khung (thuế suất thấp nhất hoặc thấp hơn mức thấp nhất của luật thuế) đối với chủ doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trọng điểm từng giai đoạn;

Thứ ba, có các chính sách ưu đãi thuế nhằm phát triển hạ tầng CNHT chuyên dụng.

Cần xếp các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm phụ trợ vào nhóm các doanh nghiệp được ưu đãi về thuế, để các doanh nghiệp này khi thành lập được hưởng thời gian miễn giảm thuế như các doanh nghiệp được ưu đãi đầu tư khác. Cần xây dựng các chính sách ưu đãi thuế phù hợp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp trong các khu/cụm công nghiệp đẩy mạnh chiến lược tăng trưởng dựa vào việc cung ứng cho các khách hàng trong nước và hướng tới xuất khẩu.

Thứ tư, cần điều chỉnh chính sách ưu đãi thuế đối với CNHT theo hướng chú ý đầy đủ đến đặc thù môi trường kinh doanh ở Việt Nam và quy mô kinh doanh của phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam.

Theo đó, cần bổ sung ưu đãi thuế nhằm thúc đẩy liên kết quốc tế của các doanh nghiệp Việt Nam theo hướng trở thành thành viên của các công ty đa quốc

gia và được chuyển giao đầy đủ về công nghệ hiện đại nhằm phát triển sản xuất, kinh doanh. Đối với chính sách cho trích lập quỹ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, nên nâng mức trích lập tối đa đối với DN nhỏ và vừa cao hơn mức trích của DN lớn, bởi vì với mức trích 10% thu nhập tính thuế, số tiền thuế được hoãn của DN nhỏ và vừa là quá nhỏ để thúc đẩy đầu tư cho nghiên cứu phát triển. Theo đó, mức trích quỹ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của DN nhỏ và vừa nên nâng lên mức 30% thu nhập tính thuế.

Thứ năm, xây dựng chính sách ưu đãi thuế đối với CNHT đồng bộ với các chính sách khác.

Chính sách ưu đãi thuế đối với CNHT chỉ có thể phát huy tác dụng nếu các chính sách khác đối với CNHT được xây dựng đồng bộ, hợp lý và tổ chức thực hiện nghiêm túc trong thực tiễn, bởi lẽ, chính sách ưu đãi thuế chỉ là một bộ phận cấu thành trong chính sách chung của Nhà nước và chỉ có tác động trong những phạm vi, điều kiện nhất định mà thôi.

Thứ sáu, mở rộng phạm vi và đối tượng được hưởng ưu đãi thuế theo hướng bao quát toàn bộ chuỗi sản xuất CNHT. Đặc biệt, cần tạo điều kiện để các doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ dàng tiếp cận chính sách thông qua việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, áp dụng cơ chế “một cửa” và xây dựng cơ sở dữ liệu điện tử về ưu đãi thuế.

Kết luận: Chính sách thuế đối với phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Việt Nam đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng, khuyến khích đầu tư, giảm chi phí sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp. Để chính sách thuế thực sự trở thành công cụ hữu hiệu thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện theo hướng mở rộng đối tượng và mức độ ưu đãi hợp lý, bảo đảm minh bạch và dễ tiếp cận, đồng thời gắn kết chặt chẽ với các chính sách hỗ trợ tín dụng, khoa học công nghệ và phát triển nguồn nhân lực. Việc xây dựng một khung chính sách thuế ổn định, nhất quán và có tầm nhìn dài hạn sẽ góp phần tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ phát triển bền vững, qua đó thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nâng cao vị thế của Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Tài liệu tham khảo:

TS. Nguyễn Việt Lợi (2017), “Cải cách chính sách tài chính - đòn bẩy cho phát triển CNHT”, Thời báo Tài chính online.

Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế.

Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Quyết định số 68/QĐ-TTg, ngày 18/01/2017 phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025.